TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2019/QĐST-HNGĐ	*Nam Đông, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đình Tuấn A, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh H.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Thanh Th, sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: Thôn HH, xã TN, huyện NĐ, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Đình Tuấn A, sinh năm: 1990 và chị Phan Thị Thanh Th, sinh năm: 1990 *(Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2013 do Ủy ban nhân dân xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế ký ngày 26/12/2013 đã cấp cho anh Trần Đình Tuấn A và chị Phan Thị Thanh Th không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Đình T, sinh ngày 23/01/2016 cho chị Phan Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Đình Tuấn A phải cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Phan Thị Thanh Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Đình Tuấn A chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh Tuấn Anh còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh Trần Đình Tuấn A và chị Phan Thị Thanh Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Đình Tuấn A phải chịu nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh Tuấn A phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nay được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh Tuấn Anh đã nộp tại biên lai số AA/2011/000712 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Hồ Minh Thược